FireAnt

CTCP Cảng Sài Gòn (UPCOM: SGP)

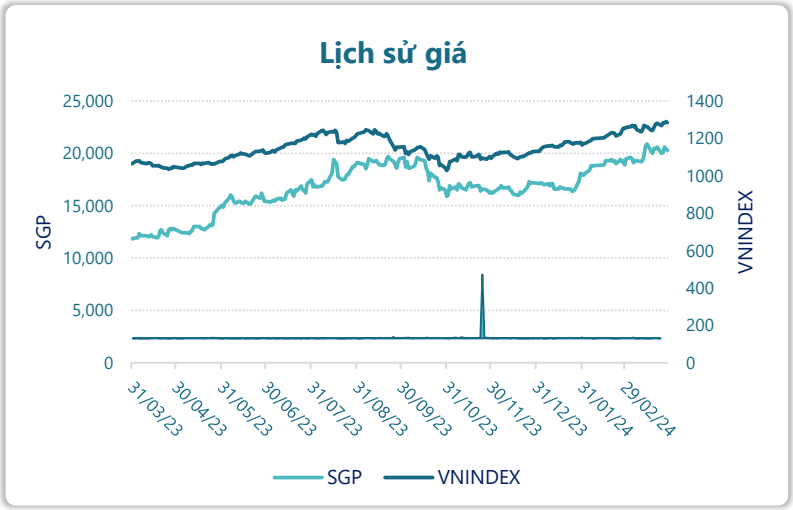

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,841
SL cổ phiếu LH	216,294,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,865
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,391
P/E	13.7
EPS	1,478

DT thuần

Q1/24

261

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -3.0%

YoY: ▲ 43.0| 19.7%

LN sau thuế

Q1/24

49.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.3| -28.0%

YoY: ▲ 25.8| 108%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

39.1%

+/- YoY: ▲ 16.3%

DT thuần

2023

942

tỷ VNĐ

YoY: ▼170| -15.3%

LN sau thuế

2023

298

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 94.0| 46.3%

ROE

2023

10.7%

+/- YoY: ▲ 3.1%

Kết quả kinh doanh

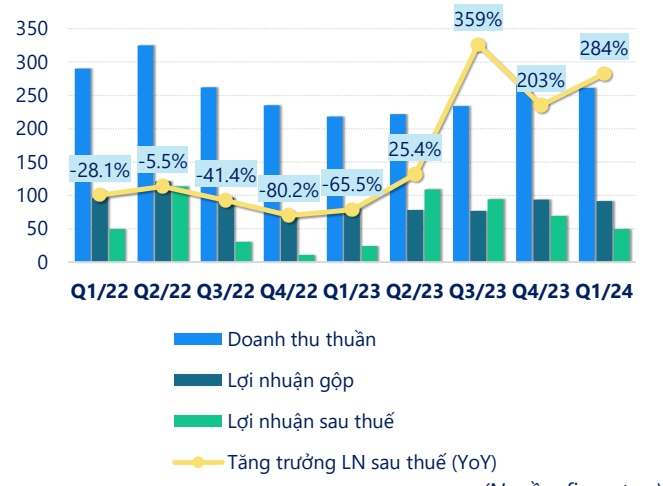

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

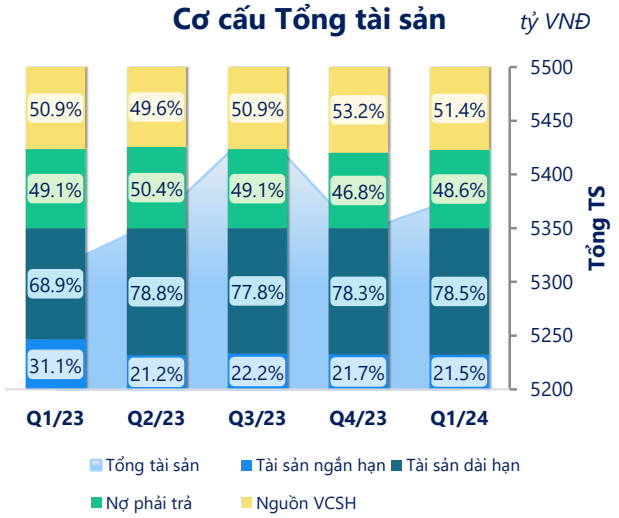

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

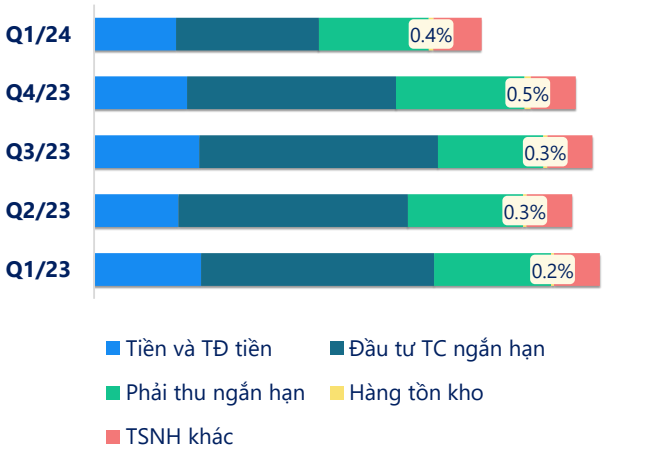

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

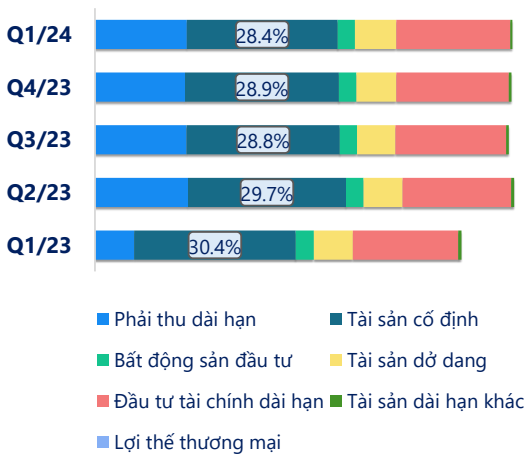

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

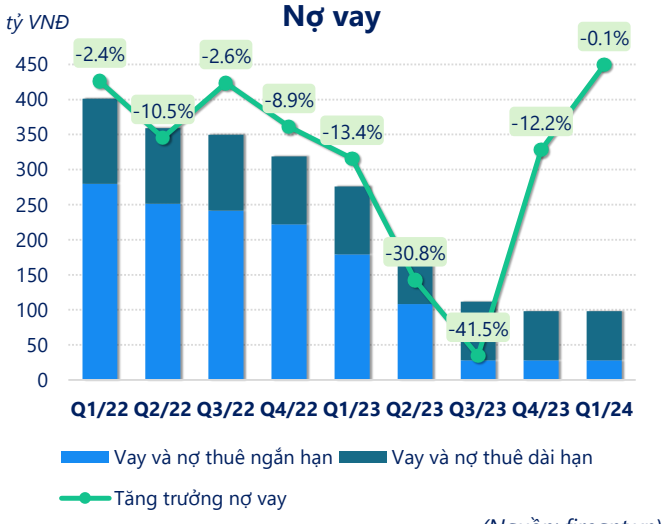

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

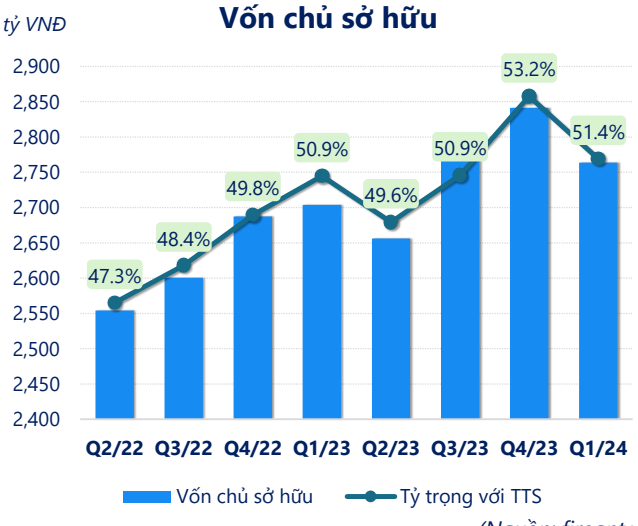

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

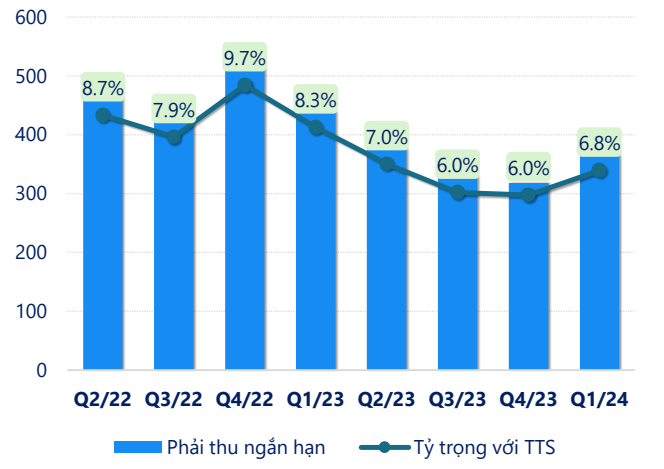

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

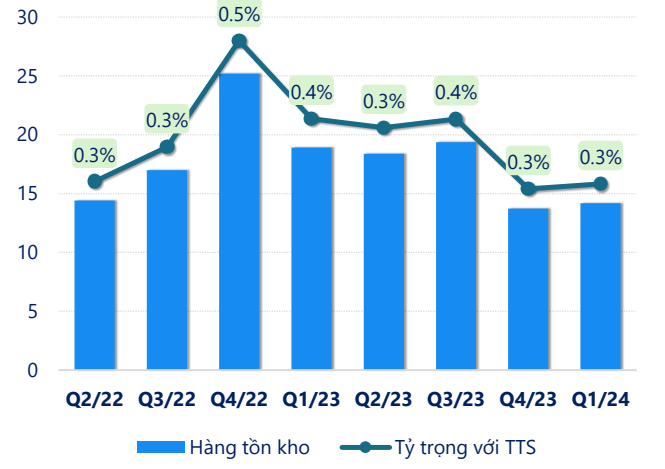

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

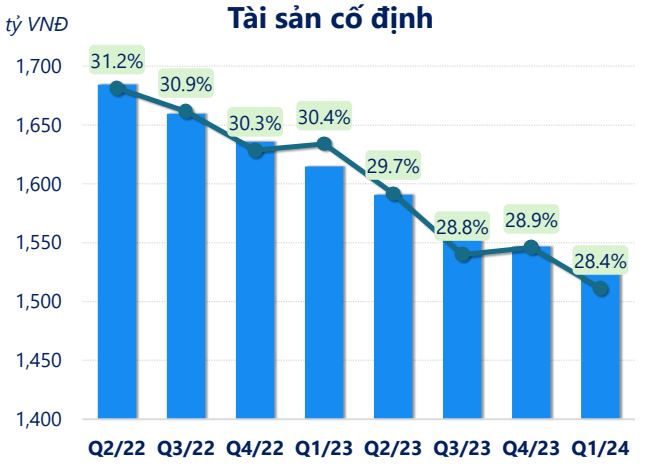

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

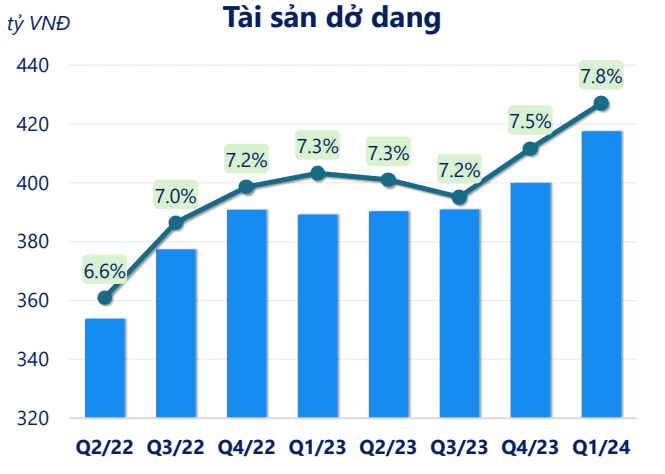

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

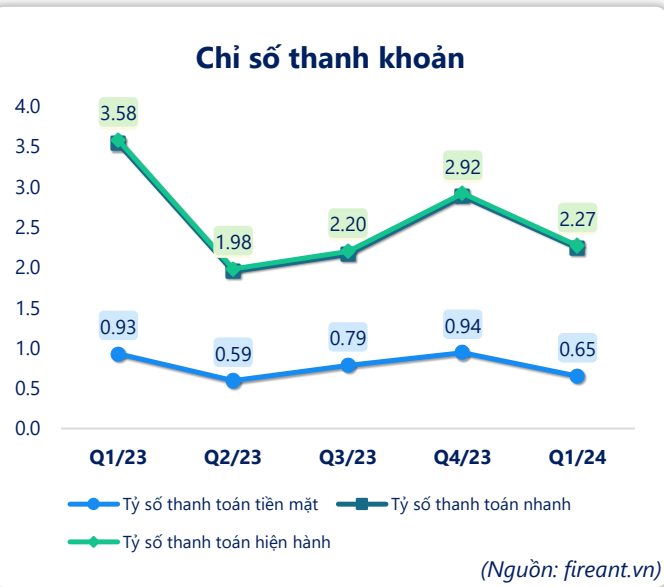

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

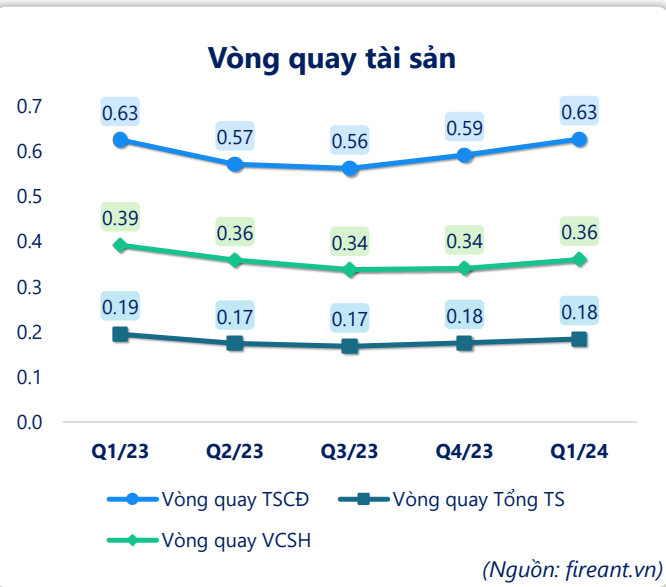

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**5,312**	**5,356**	**5,446**	**5,346**	**5,379**
Tài sản ngắn hạn	**1,650**	**1,134**	**1,208**	**1,158**	**1,158**
Tiền và tương đương tiền	428	340	431	374	332
Đầu tư tài chính ngắn hạn	572	218	248	269	261
Phải thu ngắn hạn	438	375	329	318	365
Hàng tồn kho	18.9	18.4	19.4	13.7	14.2
Tài sản ngắn hạn khác	193	182	180	184	185
Tài sản dài hạn	**3,663**	**4,222**	**4,238**	**4,187**	**4,221**
Phải thu dài hạn	391	937	937	906	930
Tài sản cố định	1,615	1,591	1,570	1,547	1,525
Bất động sản đầu tư	180	179	178	176	175
Tài sản dở dang	389	390	391	400	418
Đầu tư tài chính dài hạn	1,054	1,095	1,133	1,132	1,155
Tài sản dài hạn khác	33.5	30.0	28.2	27.0	19.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,609**	**2,700**	**2,673**	**2,504**	**2,615**
Nợ ngắn hạn	**461**	**572**	**549**	**397**	**510**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	179	108	27.9	28.0	28.0
Phải trả người bán ngắn hạn	72.9	78.1	76.1	84.4	90.4
Nợ dài hạn	2,148	2,128	2,123	2,107	2,104
Vay và nợ thuê dài hạn	96.5	82.9	83.8	70.0	70.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,704**	**2,656**	**2,773**	**2,841**	**2,764**
Vốn chủ sở hữu	**2,704**	**2,656**	**2,773**	**2,841**	**2,764**
Vốn điều lệ	2,163	2,163	2,163	2,163	2,163
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)